

## **80 NĂM NGOẠI GIAO VIỆT NAM - NHỮNG ĐẤU SON KHÔNG PHAI MỜ\***

*Dương Văn Quảng\*\**

### **Tóm tắt**

*Từ khi ngành Ngoại giao ra đời sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, 80 năm qua ngoại giao đã tiến cùng dân tộc với những thành tựu to lớn dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng và sự dẫn dắt trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như sự soi sáng của Tư tưởng Hồ Chí Minh, được tô đậm bằng những mốc son không phai mờ. Ngoại giao Việt Nam mở đầu bằng kỳ tích giữ nước với vai trò tiên phong của ngoại giao trong giai đoạn 1945-1946; tiếp đến Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 mở ra một cục diện mới cho Cách mạng Việt Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp. Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước (1954-1975), mặt trận ngoại giao có ý nghĩa chiến lược với vai trò chủ động, tích cực tạo lên mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam và giải quyết vấn đề “ta thắng địch thua” sau đó. Từ năm 1986 đến nay, cùng với quá trình 40 năm đổi mới tư duy đối ngoại của Đảng, ngoại giao Việt Nam đã không ngừng phát triển và có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước.*

**Từ khóa:** ngoại giao, đối ngoại, tiên phong, cục diện, mặt trận, đổi mới tư duy, Việt Nam.

### **Mở đầu**

Ngày 28/8/1945 được ghi nhận là ngày thành lập Bộ Ngoại giao Việt Nam. Sắc lệnh số 47/SL do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký và ban hành

---

\* Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài: “Ngoại giao Việt Nam giai đoạn 1986-1996”, mã số CT01-01-BNG/24-25/HĐKH.

\*\* PGS. TS., Đại sứ, Nguyên Giám đốc Học viện Ngoại giao.

ngày 7/4/1946 là văn bản pháp lý đầu tiên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu và tổ chức của Bộ Ngoại giao. Tiến bước cùng dân tộc dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, sự dẫn dắt trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như sự soi sáng của Tư tưởng Hồ Chí Minh, trong 80 năm qua, ngành Ngoại giao đã góp phần quan trọng vào những thắng lợi to lớn của dân tộc trong kháng chiến chống ngoại xâm vì các quyền dân tộc cơ bản, trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng Tổ quốc, cũng như trong công cuộc hội nhập quốc tế toàn diện và kỷ nguyên vươn mình ngày nay. Ở mỗi giai đoạn, vị trí, vai trò của ngoại giao đều được định vị phù hợp với tình hình và nhiệm vụ chiến lược tương ứng. Và những thắng lợi ngoại giao là các dấu son đáng ghi nhớ, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước.

### **Giai đoạn 1945-1946: thành tựu giữ nước với vai trò tiên phong của ngoại giao**

Việc giữ nước trong giai đoạn 1945-1946 bằng sức mạnh tổng hợp với vai trò tiên phong của ngoại giao, chính là thực hiện sứ mệnh bảo vệ chế độ cộng hòa non trẻ bằng một chiến lược ngoại giao hòa bình, khẳng định địa vị pháp lý của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, không tạo cơ để các thế lực thù địch câu kết thực hiện dã tâm lật đổ chính quyền cách mạng và cuối cùng buộc chúng lần lượt rời khỏi Việt Nam, chỉ còn lại kẻ thù trực tiếp là thực dân Pháp.

Tình hình Việt Nam sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 được ví như “ngàn cân treo sợi tóc”, “giặc đói”, “giặc dốt” và “giặc ngoại xâm” đe dọa vận mệnh dân tộc. Cục diện chính trị thế giới thay đổi nhanh chóng khi Chiến tranh thế giới hai kết thúc. Các nước lớn chuyển từ hợp tác thời chiến sang cạnh tranh với nhau trong việc phân chia khu vực ảnh hưởng.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) ra đời trái với toan tính dàn xếp giữa các nước lớn và cùng một lúc phải đối mặt với

năm nước lớn kể cả Mỹ và bốn lực lượng quân sự. Thêm vào đó, chưa có nước nào công nhận về ngoại giao đối với chính quyền mới ở Việt Nam. Mọi cố gắng ngoại giao với Liên Xô và Mỹ đều không đạt kết quả, lãnh đạo hai nước đều không trả lời những bức thư được Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đề nghị thiết lập quan hệ ngoại giao và chấp thuận cho Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc.

Xuất phát từ những nhận định sáng suốt và đánh giá đúng đắn về những thay đổi mang tính chiến lược trong cục diện thế giới, những mâu thuẫn lợi ích giữa các nước đồng minh, các vấn đề thuộc địa, mục tiêu của mỗi nước ở Đông Dương, và căn cứ vào tiềm lực của đất nước, Trung ương Đảng đã quyết định những chủ trương, chính sách mang tính lịch sử liên quan đến sự thành bại của cách mạng, sự tồn vong của đất nước và vận mệnh của dân tộc.<sup>1</sup> Đó là đẩy nhanh quá trình hình thành chính quyền mới, đặt quân đồng minh trước thực tế là chính thể mới của Việt Nam là Chính phủ lâm thời VNDCCH; biểu dương lực lượng, thể hiện sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, khát vọng độc lập và tự do của toàn thể nhân dân Việt Nam; kiên định về mục tiêu độc lập, sử dụng ngoại giao hòa bình, hữu nghị, kiềm chế, tránh khiêu khích và đối đầu quân sự, phân hóa kẻ thù, lợi dụng mâu thuẫn giữa chúng, tiến tới loại bỏ dần từng đối phương.

Ngày 2/9/1945, Lễ Tuyên ngôn độc lập được tổ chức trước khi quân đồng minh vào Việt Nam. Đây là một sự kiện trọng đại, biểu dương lực lượng, thể hiện sự đoàn kết của toàn dân Việt Nam vì nền độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước nhà. Bản Tuyên ngôn độc lập là một văn kiện chứa đựng nhiều ý nghĩa chính trị, pháp lý và ngoại giao có một không hai. Tiếp đến ngày 8/9/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh quyết định tổ chức tổng tuyển cử vào ngày 6/1/1946.

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, “Hội nghị cán bộ Bắc kỳ của Đảng Cộng sản Đông Dương,” trong *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 8 (Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2000), 4-13.

Nhân dịp một phái bộ quan trọng của đồng minh đến Hà Nội, ngày 3/10/1945, Bộ Ngoại giao Chính phủ lâm thời đã ra *Thông cáo về chính sách ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*.<sup>2</sup> Đây là văn kiện đầu tiên về đối ngoại khẳng định lại những quan điểm của Đảng về tình hình thế giới, khu vực và quyết sách của Việt Nam, thể hiện cách nhìn của Việt Nam về quan hệ quốc tế (QHQT) kiểu mới, cũng như tầm nhìn chiến lược về đối ngoại trước những thay đổi mang tính bản chất của thế giới sau chiến tranh. Về sách lược, đó cũng là một biện pháp kịp thời về ngoại giao nhằm tranh thủ các lực lượng đồng minh có mặt tại Việt Nam lúc bấy giờ. Khi trả lời báo chí, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Việt Nam chủ trương “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai.”<sup>3</sup>

Về kế sách lợi dụng mâu thuẫn, phân hóa nhằm thêm bạn bớt thù và tập trung đấu tranh vào kẻ thù trực tiếp, Chính phủ chủ trương tránh xung đột với quân Tưởng và quân Anh, tránh khiêu khích quân Nhật, tập trung lực lượng chống Pháp xâm lược và tranh thủ Mỹ. Đối với Pháp, Chính phủ lâm thời chủ trương “độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế.” Về cơ bản, với chính sách và phương châm ngoại giao hòa hiếu, vững vàng về nguyên tắc, mềm dẻo trong hành động, Việt Nam đã giữ vững được tình thế hòa hoãn với tất cả các nước, tổ chức thành công tổng tuyển cử ngày 6/1/1946, buộc các thế lực đối địch phải quan hệ trên thực tế với chính phủ Hồ Chí Minh, từng bước làm thất bại những toan tính lật đổ của đối phương.

Ngày 26/2/1946, Hiệp ước Hoa - Pháp được ký kết, quân Tưởng đồng ý cho Pháp thay thế họ giải giáp quân đội Nhật ở miền Bắc. Dự báo đúng chiều hướng chính sách thỏa hiệp của các nước lớn và xác định

<sup>2</sup> Bộ Ngoại giao, *Bộ Ngoại giao: 70 năm xây dựng và phát triển (1945-2015)* (Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật), 37-38.

<sup>3</sup> Bộ Ngoại giao, *Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn các nhà báo* (Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật), 10.

được những hạn chế của quân Tưởng và Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã kịp thời ký kết Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946 và đưa ra quyết sách “*hòa để tiến*” ngày 9/3/1946.<sup>4</sup> “Chọn thương lượng thay vì đánh nhau chính là bằng chứng hiểu biết về chính trị”; hòa với Pháp là nhằm “tránh tình trạng bất lợi: phải cô lập chiến đấu cùng một lúc với nhiều lực lượng phản động”; bảo toàn lực lượng, giành lấy giây phút nghỉ ngơi và củng cố vị trí đã chiếm được,... chuẩn bị đầy đủ, nhằm cơ hội tốt, tiến lên giai đoạn cách mạng mới...<sup>5</sup> Đó là “mẫu mực về nhân nhượng có nguyên tắc” trong đàm phán, chấp nhận một số nhân nhượng không nhỏ để giành lấy cái lớn hơn: hòa bình và sự tồn tại của chính phủ lâm thời.

Như vậy, từ chỗ có bốn quân đội nước ngoài có mặt tại Việt Nam, nay Việt Nam chỉ còn phải đối mặt với lực lượng của Pháp. Sau Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946, hai bên sẽ phải gặp nhau, tiếp tục đàm phán để đi đến thỏa thuận và ký kết một hiệp định chính thức. Cuộc đàm phán Việt - Pháp đã diễn ra tại Fontainebleau từ 6/7/1946 đến 14/9/1946. Cùng thời điểm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh là thượng khách của Chính phủ Pháp. Chuyến thăm kéo dài gần năm tháng, tạo ra một sự kiện có một không hai trong lịch sử ngoại giao và diễn ra trong một bối cảnh quốc tế hết sức phức tạp. Trong khi đó, quan hệ Việt - Pháp chưa có gì rõ ràng, rất dễ bùng nổ xung đột. Khi Hội nghị chính thức không đạt được kết quả, Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp đàm phán nhằm cứu vãn tình thế và kéo dài hòa hoãn. Tạm ước 14/9/1946 đạt được vào những giây phút kịch tính nhất, là “bước nhân nhượng cuối cùng”, thể hiện thiện chí hòa bình của Việt Nam, một sách lược ngoại giao tài tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tạo điều kiện để đất nước có thêm thời gian hòa bình, chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược.

<sup>4</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, “Chỉ thị hòa để tiến,” *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 8, Sđd., 48-56.

<sup>5</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, “Chỉ thị hòa để tiến,” Sđd.

Giai đoạn 1945-1946 được khắc sâu vào lịch sử Việt Nam như “những năm tháng không thể nào quên”, luôn được nhắc tới gắn liền với những nỗ lực lớn về đối ngoại. Giữ nước phải bằng thực lực của chính mình sẵn có ở thời điểm nhất định, không ảo tưởng, không tự đánh giá cao mình; thực lực quy định phương thức hành động, không câu nệ, không theo lối mòn.

### **Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954: vượt khỏi toan tính ban đầu của các nước lớn**

Đầu năm 1954, Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương được triệu tập, xuất phát từ nhu cầu của các nước lớn; họ thỏa hiệp không những về cách thức triệu tập hội nghị, thành phần tham gia, mà còn bàn sâu về các giải pháp cho tình hình Đông Dương. Quá trình thương lượng bị chi phối bởi tính toán chính trị, ngoại giao của các nước lớn kể cả Trung Quốc, mỗi bên đều muốn tận dụng Hội nghị theo ý đồ và lợi ích riêng của mình. Bản chất của Hội nghị là ngoại giao đa phương, lợi ích đan xen ở nhiều tầng nấc. Tính hai phe và đối lập nhau về lợi ích thể hiện rất rõ giữa hai nhóm nước tham dự. Trong mỗi phe về cơ bản lợi ích là thống nhất, nhưng cũng có những toan tính riêng của từng thành viên, hoặc những lợi song trùng giữa hai phe và lợi ích có đi có lại giữa từng cặp quan hệ đan chéo nhau giữa hai phe. Tính phức tạp còn thể hiện ở chỗ những vấn đề đàm phán chưa có tiền lệ về giải pháp: (i) đình chiến tại chỗ hay tập kết quân đội của các bên tham chiến thành hai vùng tập kết riêng rẽ? (nếu như vậy sẽ đặt ra vấn đề phân vùng kiểm soát); (ii) công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất của ba nước Đông Dương; (iii) thời gian, cách thức tổ chức tổng tuyển cử tự do ở Việt Nam, nếu phân vùng kiểm soát. Trong khi đó, các nước lớn lại có ý đồ áp dụng “cách thức

Triều Tiên”,<sup>6</sup> nghĩa là một giải pháp đình chiến, chỉ giải quyết các vấn đề quân sự và chia cắt lâu dài Việt Nam.

Cho đến khi tham gia Hội nghị Giơ-ne-vơ, Việt Nam chưa thấy hết được tính phức tạp của cục diện thế giới lúc bấy giờ và đặc biệt tính đan xen lợi ích, mâu thuẫn, lợi dụng và thỏa hiệp lẫn nhau giữa các nước lớn, cũng như vai trò của họ trong việc định ra khuôn khổ giải quyết các vấn đề quốc tế. Nhưng Việt Nam đã kiên định lập trường giải quyết đồng thời cả vấn đề quân sự và chính trị, Pháp phải rút quân khỏi ba nước Đông Dương, thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất của cả ba nước, đồng thời không để rơi vào thế bị cô lập và không để hội nghị đổ vỡ. Trước khi đoàn đàm phán đi Giơ-ne-vơ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh quan điểm chỉ đạo cho việc đàm phán: “Việt Nam phải phân biệt lợi ích trước mắt và lợi ích tương lai, lợi ích bộ phận và lợi ích toàn bộ...,” không thể “chỉ thấy Pháp không thấy Mỹ, thiên về tác chiến, xem khinh ngoại giao.”<sup>7</sup> Trong suốt quá trình đàm phán, Việt Nam đã duy trì tình đoàn kết, trao đổi, phối hợp chặt chẽ với hai đoàn Liên Xô và Trung Quốc, tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè và dư luận quốc tế, chấp nhận nhân nhượng để tháo gỡ bế tắc, nhất là về giới tuyến quân sự tạm thời và thời hạn tổ chức tổng tuyển cử ở Việt Nam.

Diễn biến và kết quả của Hội nghị Giơ-ne-vơ cho thấy rằng trong bối cảnh thế giới chia thành hai phe đối đầu nhau quyết liệt một mặt một còn như những năm 1950, không dễ dàng gì có thể cưỡng lại xu thế đang chi phối chính trị quốc tế nói chung và QHQT nói riêng. Song có một thực tế không thể phủ nhận là các văn kiện của Hội nghị đã mở ra một cục diện mới cho nhân dân Việt Nam tiếp tục đấu tranh nhằm hoàn thành

<sup>6</sup> Học viện Quan hệ quốc tế, *Đấu tranh ngoại giao trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân 1945-1954* (Hà Nội: 2002), 485.

<sup>7</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện toàn tập*, tập 15 (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2001), 170.

cách mạng dân tộc, dân chủ trên cả nước. Hiệp định và những kết quả của Hội nghị là kịch bản tối đa mà Việt Nam có thể đạt được. Trong “Lời kêu gọi sau khi Hội nghị Giơ-ne-vơ thành công” ngày 22/7/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá: “... Hội nghị Giơ-ne-vơ đã kết thúc. Ngoại giao ta đã thắng to.” “Thắng to” nghĩa là Hiệp định Giơ-ne-vơ trước hết là ghi nhận, phản ánh thắng lợi to lớn về quân sự của Việt Nam trên chiến trường, đồng thời thể hiện sự kiên định về lập trường, sự khôn khéo của đoàn đàm phán Việt Nam tại Hội nghị dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như sự thừa nhận của các nước lớn về độc lập, thống nhất của nước Việt Nam trong Tuyên bố cuối cùng.

Thực tiễn Hội nghị Giơ-ne-vơ cho thấy rằng trong xu thế chung về QHQT, mỗi quốc gia có thể tự xác định cho mình một cách tiếp cận riêng mà không đi ngược trào lưu chung, nhưng có thể tác động vào tiến trình vận động của QHQT và tìm ra giải pháp độc đáo cho chính những vấn đề của mình mà không làm ảnh hưởng đến hòa bình thế giới và xu thế hòa hoãn giữa các nước lớn. Bài học lớn nhất rút ra từ Hội nghị Giơ-ne-vơ là đoàn kết quốc tế phải xuất phát từ tư duy độc lập, tự chủ; có tư duy độc lập, tự chủ mới tránh được những thỏa hiệp làm ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, dân tộc và xử lý đúng những sức ép từ mọi phía, kể cả sức ép từ bạn bè đôi khi “hẹp hòi” vì lợi ích riêng, và ngăn ngừa không cho đối phương phá hoại đàm phán.

### **Kháng chiến chống Mỹ: ngoại giao đóng vai trò chủ động, tích cực, trở thành mặt trận có ý nghĩa chiến lược**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là một trường hợp điển hình và mang nhiều đặc thù trong QHQT ở thời kỳ Chiến tranh Lạnh và tác động nhiều chiều đến QHQT. Đây là cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chống lại sự xâm lược của một nước lớn, trong một bối cảnh đối kháng về ý thức hệ giữa hai phe, lúc căng thẳng lúc hòa hoãn, và mâu thuẫn Xô

- Trung dần dần trở nên đối kháng và tác động vào nội bộ các nước. Trong tình thế như vậy, Việt Nam phải chứng minh được rằng cuộc kháng chiến của Việt Nam là chống xâm lược, không ảnh hưởng đến hòa bình thế giới và hòa hoãn Đông - Tây. Muốn đánh và thắng Mỹ, Việt Nam phải kết hợp ngay từ đầu trên cả ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao.

Nâng ngoại giao thành một mặt trận đóng vai trò chủ động và có tầm cỡ chiến lược là một quyết sách thể hiện tư duy độc lập, tự chủ của Việt Nam,<sup>8</sup> được hình thành dựa trên lợi ích quốc gia - dân tộc, bản sắc Việt Nam, sức mạnh tổng hợp, tình đoàn kết, sự ủng hộ, giúp đỡ quốc tế, đồng thời chống lại mọi âm mưu chia rẽ của kẻ thù. Xuất phát từ bài học Giơ-ne-vơ, từ tình hình khu vực, thế giới trong những năm đầu thập niên 60 thế kỷ XX và từ những nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam ở hai miền, tư duy độc lập, tự chủ đã bao trùm toàn bộ và chỉ đạo triệt để quá trình hoạch định và triển khai chiến lược cách mạng nói chung và đường lối đối ngoại nói riêng của Việt Nam. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 13 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) tháng 1/1967 đã nêu rõ: “Chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn hội nghị những cái mà chúng ta đã giành được trên chiến trường. Tuy nhiên đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh đấu tranh trên chiến trường, mà trong tình hình quốc tế hiện nay với tính chất cuộc đấu tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động.”<sup>9</sup> Tiếp đến, năm 1969, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết xác định ngoại giao trở thành mặt trận chiến lược, có ý nghĩa quan trọng; ngoại giao tự nó phải tăng cường và xây dựng lực lượng, vừa phát huy thắng lợi của đấu tranh quân

<sup>8</sup> Bộ Ngoại giao, *Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Paris về Việt Nam* (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2003).

<sup>9</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, “Đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao, chủ động tiến công địch, phục vụ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta,” *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 28 (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2003), 171-179.

sự, chính trị trên chiến trường, vừa phối hợp và hỗ trợ với đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị.<sup>10</sup> Như vậy, mặt trận ngoại giao xuất phát từ chiến lược đánh Mỹ với chủ trương nhất quán là đánh lùi Mỹ từng bước, đánh thắng Mỹ từng bộ phận, kết hợp vừa đánh vừa đàm và cuối cùng buộc Mỹ phải rút khỏi Việt Nam. Mặt trận ngoại giao có hai nhiệm vụ cơ bản: (i) “tăng cường hậu phương quốc tế của ta và làm suy yếu hậu phương của địch” với khẩu hiệu “thêm bạn bớt thù”; (ii) “giải quyết vấn đề ta thắng địch thua.”

### *Hình thành mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam*

Mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam phải được hiểu theo nghĩa rộng và mang tính linh hoạt. Đây không phải là tập hợp các nước xã hội chủ nghĩa và các nước dân tộc chủ nghĩa tiến bộ, mà là một phong trào bao gồm tất cả các chính phủ, lực lượng chính trị - xã hội và cá nhân, kể cả nhân dân Mỹ yêu chuộng hòa bình, công lý, chống chiến tranh, nhất là chống chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam, ủng hộ hay bày tỏ cảm tình với tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam có giành được thắng lợi hay không là do sức mạnh dân tộc, đường lối, chiến lược và quyết tâm của Việt Nam quyết định, nhưng không thể thiếu được sự hậu thuẫn của mọi lực lượng tiến bộ trên thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Độc lập, tự chủ và đoàn kết quốc tế là một chiến lược cho phép chúng ta gạt bỏ được cuộc “tiền công hòa bình qua trung gian” trước khi có Hội nghị Pa-ri, vượt qua được mâu thuẫn Xô - Trung, sự chia rẽ trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, tranh thủ được sự ủng hộ của nhân dân thế giới, đặc biệt của nhân dân và công luận Mỹ, và cuối cùng

<sup>10</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 30 (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2004), 106-117.

là góp phần gây sức ép buộc Mỹ phải đàm phán nghiêm túc khi cục diện đánh - đàm được mở ra ở Pa-ri.

### ***Hiệp định Pa-ri về Việt Nam là đỉnh cao của mặt trận ngoại giao***

Hội nghị Pa-ri là cuộc đấu lý, đấu trí quyết liệt và gay go kéo dài chưa từng thấy trong lịch sử đàm phán ngoại giao (13/5/1968 - 27/1/1973). Hội nghị Pa-ri thể hiện tính độc đáo của ngoại giao Việt Nam so với các cuộc đàm phán trước đó, có nhiệm vụ giải quyết vấn đề “Mỹ thua, ta thắng.”

Về triệu tập hội nghị, đây là cuộc đàm phán tay đôi do VNDCCH chủ động đề xướng, Mỹ buộc phải chấp nhận thương lượng trực tiếp, bình đẳng với VNDCCH, không qua trung gian<sup>11</sup> để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến cuộc chiến tranh Việt Nam và tìm lối thoát danh dự. Hội nghị tạo ra cục diện vừa đánh vừa đàm,<sup>12</sup> với hai giai đoạn: hai bên và bốn bên. Giai đoạn thứ nhất từ ngày 13/5/1968 giữa VNDCCH và Mỹ; Mỹ đòi giải quyết toàn bộ vấn đề Việt Nam trong khi đó VNDCCH đòi chấm dứt hoàn toàn và vô điều kiện việc ném bom miền Bắc thì mới bàn việc khác. Đến cuối tháng 10/1968, hai bên đạt được thỏa thuận và ngày 31/10 Tổng thống Johnson tuyên bố “chấm dứt mọi việc ném bom bằng không quân, hải quân và bắn phá bằng pháo binh chống miền Bắc Việt Nam bắt đầu từ ngày 1/11/1968.” Giai đoạn hai, bắt đầu từ ngày 25/1/1969 với bốn bên: VNDCCH, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (CPCMLT MNVN), Mỹ và Việt Nam Cộng hòa (VNCH). Như vậy về phía Việt Nam, tham gia đàm phán có hai chủ thể và một đường lối ngoại giao, được gọi là “tuy hai là một, tuy một là hai”. Để xác định địa vị bình đẳng và nâng cao vị thế của CPCMLT

<sup>11</sup> Journoud Pierre, *De Gaulle và Việt Nam (1945-1969)* (Hà Nội: Nxb. Đại học Sư phạm, 2019), 324-370.

<sup>12</sup> Bộ Ngoại giao, *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000* (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2020), 230-247.

MNVN, Việt Nam gọi đàm phán là Hội nghị *bốn bên* và những sáng kiến đưa ra trong quá trình đàm phán, đều do CPCMLT MNVN chủ động. Ban đầu, các bên thăm dò, tố cáo lẫn nhau như “cuộc đối thoại giữa những người điếc”. Bắt đầu từ ngày 4/8/1969 có thêm cuộc gặp tay đôi bí mật giữa Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ, Bộ trưởng Ngoại giao Xuân Thủy và Cố vấn Tổng thống Mỹ Kissinger.

Sau thắng lợi trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972, đàm phán mới đi vào thực chất. Các bên tranh cãi nhau với nhau về tất cả những vấn đề liên quan từ địa điểm, lễ tân, hình thù bàn đàm phán đến danh xưng các bên, tư cách và chỗ ngồi của các chủ thể tham gia đàm phán; từ hình thức, cấu trúc hiệp định, đến nội dung và cách thức ký kết hiệp định. Trong quá trình đàm phán, đối phương không từ bất cứ thủ đoạn nào để gây sức ép, chia rẽ Việt Nam với các nước bạn bè, thậm chí Nixon đến thăm Trung Quốc, ký thông cáo chung Thượng Hải tháng 2/1972, và đỉnh điểm là Mỹ tiến hành chiến dịch ném bom Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh miền Bắc bằng máy bay chiến lược B-52 vào dịp Giáng sinh năm 1972 khi mà bản thảo hiệp định về cơ bản đã được thỏa thuận. Quá trình đàm phán thể hiện sự tuân thủ triệt để và kết hợp nhuần nhuyễn đấu tranh ngoại giao với đấu tranh quân sự, chính trị, giữa đàm phán với chiến trường, phát huy tối đa vai trò chủ động của ngoại giao.

Ngoại giao tại Hội nghị Paris là đỉnh cao nghệ thuật về ứng xử trong QHQT, đồng thời là một giáo trình đầy đủ, phong phú về ngoại giao, kết tinh từ những thực tiễn đầy sáng tạo trong đàm phán của những thời kỳ trước đó, thể hiện thiện chí, chấp nhận nhân nhượng đúng lúc, tranh thủ dư luận quốc tế, giữ vững đoàn kết quốc tế và tác động vào nội bộ đối phương; đồng thời, kiên định tư duy độc lập, tự chủ, giành thế chủ động trong đàm phán, kiên trì mục tiêu đấu tranh, biết bắt đầu và kết thúc đàm phán đúng thời điểm với một hiệp định mở ra cục diện mới ở miền Nam Việt Nam với “máu chót là quân Mỹ phải ra, quân ta ở lại.”

### **40 năm đổi mới tư duy, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

Sau 40 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về mọi mặt, có ý nghĩa lịch sử trong đó có những đóng góp quan trọng của ngành Ngoại giao. Đường lối đối ngoại “độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại”, “là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”<sup>13</sup> là kết tinh của quá trình đổi mới tư duy đối ngoại với những bước đi thăng trầm và những quyết định quyết đoán.

Tư duy đối ngoại là quá trình nhận thức về thời cuộc, về lợi ích quốc gia - dân tộc và về cách ứng xử với thời cuộc cũng như về phương thức bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc. Đổi mới tư duy đối ngoại trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập toàn diện là một quá trình diễn ra liên tục mang tính tiệm tiến, và không thể là duy ý chí vì tình hình khu vực và thế giới luôn biến đổi không ngừng; lợi ích của các chủ thể đan xen phức tạp ở nhiều tầng nấc. Hơn thế nữa, nhận thức của từng người hay từng quốc gia về thế giới nói chung và về từng khía cạnh của đời sống quốc tế nói riêng luôn mang tính chủ quan, thường theo lối mòn định kiến, không dễ gì thay đổi một sớm một chiều. Thế giới bước vào thập niên thứ ba thế kỷ XXI vẫn diễn biến nhanh chóng và biến đổi khó lường, đòi hỏi tư duy phải nhanh nhạy, thích ứng, hành động cần mau lẹ, không câu nệ những đánh giá, nhận định mang tính “lối mòn,” xơ cứng.

Sợi chỉ đỏ xuyên suốt định hướng tư duy về đối ngoại của Việt Nam kể từ năm 1945 là lợi ích dân tộc, là tư duy độc lập, tự chủ và là phương châm hành động “dĩ bất biến ứng vạn biến”. Độc lập trong tư duy là điều kiện tiên quyết của đối ngoại cho phép tránh được những sức

<sup>13</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1 (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2021), 161-162.

ép và đe dọa có thể dẫn đến thỏa hiệp vô nguyên tắc, xâm hại lợi ích quốc gia - dân tộc, hành động thiên vị, nhất biên đảo, rơi vào thế phải lựa chọn đồng minh. Chìa khóa cho phép đổi mới thành công là công tác nghiên cứu, nhất là nghiên cứu chiến lược, và công tác dự báo chiến lược trong đối ngoại. Từ đó đưa ra những kiến nghị chính sách kịp thời và triển khai mau lẹ, sáng tạo các quyết sách đã được phê duyệt.

Vai trò tiên phong, chủ động và đồng hành của ngoại giao được thể hiện cả trong quá trình hình thành, hoạch định và triển khai đường lối đối ngoại đổi mới, cũng như việc kiến nghị những bước đi cần thiết cho hội nhập quốc tế trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đổi mới nhận thức về cách tiếp cận thế giới và các vấn đề quốc tế là bước đột phá mang tính mở đường cho đổi mới toàn diện nói chung và đổi mới đối ngoại nói riêng, bởi lẽ thế giới quan có thay đổi thì mới tạo tiền đề cho đổi mới nhận thức về các chủ thể QHQT, về mục tiêu và nội hàm chính sách đối ngoại, cũng như về phương thức triển khai chính sách đối ngoại.

Mười năm đầu đổi mới (1986-1996) được ghi dấu bằng quá trình phá thế bao vây cấm vận và khởi động tiến trình hội nhập quốc tế cũng như đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ cho các giai đoạn sau. Những đóng góp nổi bật nhất của ngành Ngoại giao là tham gia vào việc tìm giải pháp cho vấn đề Cam-pu-chia, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc và Mỹ, gia nhập ASEAN, giải quyết vấn đề nợ và mở ra hội nghị tư vấn thường niên các nhà tài trợ cho Việt Nam.

Bước đột phá tiếp theo trong đổi mới tư duy đối ngoại liên quan đến các chủ thể QHQT với quan điểm “đối tác - đối tượng,” hợp tác và đấu tranh ở giai đoạn 1996-2010. Nghị quyết TW 8 khóa IX tháng 8/2003<sup>14</sup> về “Phương hướng chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình

<sup>14</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 62 (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2016), 443-452.

mới” đã tạo ra bước đột phá trong nhận thức về các chủ thể QHQT, không nhìn nhận theo lăng kính “bạn - thù”, mà là “đối tác - đối tượng”. Vấn đề đôi đầu ý thức hệ, đấu tranh giai cấp không đặt ra công khai trong quan hệ đối ngoại.

Từ những thành tựu đáng khích lệ đạt được trong đổi mới và những bước đi ban đầu trong hội nhập kinh tế ở giai đoạn 1986-1996, đồng thời đứng trước những thúc ép của thời cuộc, không thể có lựa chọn nào khác là tiếp tục đổi mới và tham gia sâu rộng hơn nữa vào đời sống kinh tế quốc tế. Những đóng góp của ngành Ngoại giao đã góp phần thúc đẩy đổi mới từng bước tư duy về hội nhập quốc tế và ban hành các văn kiện quan trọng về lĩnh vực này. Khái niệm “toàn cầu hóa kinh tế” đã được đưa vào văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X tháng 4/2006.<sup>15</sup> Đại hội XI tháng 1/2011 đã ghi dấu bước hoàn thiện cuối cùng của quá trình đổi tư duy của về hội nhập, chuyển từ “hội nhập kinh tế quốc tế” thành “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”.<sup>16</sup> Tháng 4/2013, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế nhằm thống nhất nhận thức về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

Tư duy hội nhập quốc tế về cơ bản tương đồng với tư duy đối ngoại đa phương. Hội nhập quốc tế là đối tượng, còn đối ngoại đa phương là một trong những phương tiện thực hiện. Nghị quyết 06 của

<sup>15</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, *Cổng Thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, truy cập 29/7/2024, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-x/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-ix-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-x-cua-dang-1537>.

<sup>16</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, *Cổng Thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, truy cập 29/7/2024, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xi/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-x-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-xi-cua-dang-1526>.

BCH TW khóa XII ban hành tháng 11/2016<sup>17</sup> là bước chuẩn bị quan trọng cho việc Ban Bí thư ban hành Chỉ thị 25-CT/TW về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến 2030 vào tháng 11/2016 nhằm đưa công tác đối ngoại đa phương của Việt Nam lên một tầm cao mới, góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Lợi ích quốc gia - dân tộc trong quan hệ quốc tế là nguyên tắc tối thượng đối với mọi quốc gia, dù đó là siêu cường, nước lớn, hay nước nhỏ. Hội nhập quốc tế chính là đặt cược một phần lợi ích quốc gia - dân tộc vào tiến trình đó. Lợi ích quốc gia - dân tộc là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, định hướng tư duy đối ngoại của Việt Nam từ năm 1945 đến nay, nhưng nội hàm của nó, nhất là thứ tự ưu tiên giữa các lợi ích cấu thành luôn được nhìn nhận và xác định lại để thích ứng với từng giai đoạn lịch sử. Đổi mới tư duy về lợi ích quốc gia - dân tộc trong 40 năm qua thể hiện rất rõ phương châm hành động “dĩ bất biến ứng vạn biến,” luôn gắn Việt Nam với khu vực và thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Kể từ Đại hội Đảng lần thứ XI đảm bảo lợi ích quốc gia - dân tộc luôn được xác định là mục tiêu và nguyên tắc chỉ đạo mọi hoạt động đối ngoại đi đôi với việc tôn trọng luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc.<sup>18</sup>

<sup>17</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, Toàn văn Nghị quyết 06 khóa XII về hội nhập kinh tế quốc tế, *VOV.VN*, truy cập 31/7/2024, <https://vov.vn/chinh-tri/dang/toan-van-nghi-quyet-06-khoa-xii-ve-hoi-nhap-kinh-te-quooc-te-566918.vov?jskey=gubINUPY44MmmuziZzO%2FPnhzzIizwmVsAw%3D%3D>.

<sup>18</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, *Cổng thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, truy cập ngày 2/8/2024, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-xiii-cua-3734>.

Đổi mới tư duy đối ngoại là một quá trình không bằng phẳng và diễn ra liên tục vì hiện thực khách quan trên phạm vi thế giới luôn biến đổi không ngừng nhất là trong thời kỳ hội nhập và tùy thuộc lẫn nhau. Sau 40 năm đổi mới, Việt Nam vững vàng, hội đủ điều kiện sẵn sàng hội nhập sâu hơn với tâm thế của người Việt Nam, tự tin vào bản thân, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống vì lợi ích quốc gia - dân tộc và vì trách nhiệm với cộng đồng quốc tế.

### **Kết luận**

Cùng với những dấu son không phai mờ, 80 năm ngoại giao Việt Nam còn để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, cụ thể nổi bật là: thời điểm, không gian, thời gian và thời cơ trong đàm phán; cách dùng người; phối hợp, kết hợp các loại mặt trận và loại hình ngoại giao...; nghệ thuật và kỹ năng đàm phán; vận động dư luận... Những bài học này vẫn còn nguyên giá trị thiết thực cho đối ngoại nói chung, nhất là cho việc phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong thời kỳ hội nhập quốc tế toàn diện. Đương nhiên phải tính đến hoàn cảnh mới, khi cục diện thế giới hiện nay, với những sắc thái hoàn toàn mới, vận động không ngừng và không theo một dòng chảy có sẵn buộc mọi người đào sâu, suy nghĩ và vận dụng sáng tạo những bài học trên. Vai trò, bản chất của độc lập, tự chủ không thay đổi; điều mới là những hệ biến hóa mà nó dựa trên đó đã không còn như trước nữa. Lợi ích quốc gia - dân tộc rộng hơn cả về nội dung và thành tố cấu thành; cách tiếp cận các vấn đề quốc tế, cả truyền thống và phi truyền thống cũng thay đổi trong một thế giới “phẳng hơn” với cả nghĩa đen và nghĩa bóng; không có bạn, thù như trước, các chủ thể vừa là đối tượng vừa là đối tác, nhất là quan hệ giữa các nước lớn và quan hệ của Việt Nam với từng nước lớn phức tạp hơn và nhiều rủi ro hơn. Đất nước Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Với những bài học, kinh nghiệm về đối ngoại được đúc kết trong 80 năm trưởng thành và phát triển, ngành

ngoại giao sẽ tiếp tục đổi mới tư duy và hành động, tham mưu, xây dựng những giải pháp mới bổ sung và triển khai đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Ngoại giao. *Ngoại giao Việt Nam 1954-2000*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2005.
2. Dương Văn Quảng. “Các bước chuyển lớn về tư duy đối ngoại Việt Nam trong 40 năm đổi mới.” *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế* 138, số 1 (3/2025).
3. Dương Văn Quảng. “Vai trò của Liên Xô trên lĩnh vực ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam.” *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế* 136, số 1 (3/2024).
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện toàn tập*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2001.
5. Hồ Chí Minh. *Hồ Chí Minh toàn tập*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2000.
6. *Liên Xô và Việt Nam trong những năm chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất - Hội nghị Giơnevơ, Tuyển chọn văn kiện và tài liệu*. Hà Nội: Nxb. Thông tin và Truyền thông, 2019.
7. Lưu Văn Lợi. *Hội nghị Quân sự Trung Giã Và Hiệp định Giơnevơ 1954 về Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2014.